

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 5</b>
<b>3. Báo cáo soát xét</b>	<b>6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2011</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011</b>	<b>14 - 30</b>
<b>8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu</b>	<b>31</b>

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

### Khái quát về Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 được thành lập trên cơ sở chuyên Công ty Nhà nước là Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 thành công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3703000280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 6 năm 2009 và thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 8 năm 2010, và thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 7 năm 2011.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 kế thừa toàn bộ các quyền lợi hợp pháp của Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26.066.880.000	51,12
Các cổ đông khác	24.920.890.000	48,88
<b>Cộng</b>	<b>50.987.770.000</b>	<b>100,00</b>

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV4.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Tư vấn thiết kế công trình nguồn điện, lưới điện, điện chiếu sáng, các dạng năng lượng mới và tái tạo.
- Thiết kế công trình thủy lợi.
- Lập quy hoạch phát triển điện lực vùng lãnh thổ, quy hoạch phát triển điện các tỉnh, thành phố, quận, huyện, lập quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng mới và tái tạo.
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa kỹ thuật.
- Khảo sát, đo đạc, quan trắc khí tượng, thủy văn công trình.
- Xử lý gia cố nền móng, bao gồm: đo vẽ bản đồ địa chất công trình, địa chất thủy văn, khoan đào thăm dò, địa vật lý, khảo sát vật liệu xây dựng, khoan phụt.
- Dịch vụ đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; quan trắc biến dạng công trình.
- Giám sát khảo sát công trình.
- Tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Giám sát thi công xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện, công trình công nghiệp, dân dụng và thủy lợi.
- Tư vấn thiết kế công trình đường bộ đến cấp 3, thiết kế kết cấu công trình dân dụng cấp 3 đến 6 tầng, công trình công nghiệp cấp 4, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp 3.
- Thí nghiệm phân tích nước; thí nghiệm cơ lý đất đá, nền móng công trình và vật liệu xây dựng; thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm, phân tích đánh giá các chỉ tiêu về môi trường.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

- Tư vấn thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán, hồ sơ mời thầu công trình xây dựng.
- Tư vấn về môi trường, khảo sát và lập báo cáo về bồi thường, tái định canh, định cư các dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Khảo sát điều tra, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Giám sát môi trường.
- Sản xuất, kinh doanh điện năng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện.
- Mua bán thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm máy tính.
- Gia công chế tạo cấu kiện, vật liệu điện.
- Xây lắp điện.
- Kinh doanh khách sạn.
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
Điện thoại : (058) 2220 405  
Fax : (058) 2220 400  
Website : www.pecc4.com.vn

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh phía Bắc	Số 10 – A4 – Khu Đô thị Đầm Trấu – Phường Bạch Đằng – Quận Hai Bà Trưng – TP. Hà Nội
Chi nhánh phía Nam	Số 46/8 Đường Trần Quý Khoách – Phường Tân Định – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

### **Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 31).

### **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

- Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tỷ lệ trả cổ tức 20% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 20 cổ phiếu mới). Ngày 08 tháng 7 năm 2011 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 đã có Công văn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức, theo đó số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm là 840.777 cổ phiếu, tương ứng 8.407.770.000 VND (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Ngày 30 tháng 7 năm 2011 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, đăng ký thay đổi lần thứ 5, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 42.580.000.000 VND lên 50.987.770.000 VND.
- Tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐTV ngày 20 tháng 01 năm 2011, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010, Hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi để góp vốn đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A, tổng giá trị trái phiếu phát hành là 51 tỉ đồng. Hiện Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết và đang chờ được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận phát hành trái phiếu chuyển đổi.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Minh Sơn	Chủ tịch	10 tháng 7 năm 2007	-
Ông Trần Văn Thọ	Thành viên	10 tháng 7 năm 2007	-
Ông Văn Công Minh	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Hòa	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	26 tháng 4 năm 2011
Ông Lương Văn Đài	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	-
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	26 tháng 4 năm 2011	-

#### ***Ban Tổng Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Minh Sơn	Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Vũ Thành Danh	Kế toán trưởng	16 tháng 8 năm 2007	-

### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán được ghi chép, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

---

**Phạm Minh Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 8 năm 2011

Số: /BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

### **VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 01 tháng 8 năm 2011, từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)  
Chi nhánh Nha Trang – Khánh Hòa**

---

**Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0192/KTV

---

**Đoàn Nguyễn Hiếu Hạnh - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1248/KTV

Nha Trang, ngày 10 tháng 8 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>113,189,392,877</b>	<b>112,144,090,413</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1,731,625,436</b>	<b>2,806,240,274</b>
1. Tiền	111		433,269,880	2,806,240,274
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,298,355,556	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>98,911,900,691</b>	<b>106,083,094,526</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	104,303,102,182	111,846,915,672
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3,253,092,315	2,773,783,192
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	507,132,940	904,742,908
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(9,151,426,746)	(9,442,347,246)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6,439,462,200</b>	<b>2,108,163,868</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	6,439,462,200	2,108,163,868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6,106,404,550</b>	<b>1,146,591,745</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	7,993,260
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	6,106,404,550	1,138,598,485

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>98,833,967,334</b>	<b>99,127,778,265</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2,387,325,818</b>	<b>4,048,969,157</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.8	2,387,325,818	4,048,969,157
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25,372,961,049</b>	<b>23,980,853,244</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	6,317,875,511	6,780,704,136
<i>Nguyên giá</i>	222		27,507,502,500	27,107,882,043
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21,189,626,989)	(20,327,177,907)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16,922,899,692	17,200,149,108
<i>Nguyên giá</i>	228		18,646,940,446	18,646,940,446
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,724,040,754)	(1,446,791,338)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2,132,185,846	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>70,016,430,000</b>	<b>70,016,430,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	70,016,430,000	70,016,430,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,057,250,467</b>	<b>1,081,525,864</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	967,250,467	1,001,525,864
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	90,000,000	80,000,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>212,023,360,211</b>	<b>211,271,868,678</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>140,445,227,586</b>	<b>139,498,139,685</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>132,901,151,933</b>	<b>131,901,591,032</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	53,000,000,000	53,000,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.16	7,003,650,200	6,717,257,409
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	24,627,546,420	35,861,475,698
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	6,317,730,426	5,184,549,568
5. Phải trả người lao động	315	V.19	13,041,347,745	20,536,430,859
6. Chi phí phải trả	316	V.20	7,010,981,000	210,200,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	16,361,728,408	6,341,215,008
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	5,538,167,734	4,050,462,490
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7,544,075,653</b>	<b>7,596,548,653</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	7,000,000,000	7,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	544,075,653	596,548,653
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71,578,132,625</b>	<b>71,773,728,993</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>71,578,132,625</b>	<b>71,773,728,993</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	42,580,000,000	42,580,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(641,740,060)	(613,160,060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	14,510,597,249	8,348,357,892
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	4,631,865,934	2,825,014,566
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	1,353,224,186	565,002,912
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	9,144,185,316	18,068,513,683
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>212,023,360,211</b>	<b>211,271,868,678</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ** (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
		<u>                    </u>	<u>                    </u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		512.49	2346.87
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2011

---

**Trần Lê Thanh Bình**  
Người lập biểu

---

**Vũ Thành Danh**  
Kế toán trưởng

---

**Phạm Minh Sơn**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****(Dạng đầy đủ)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	69,523,820,827	57,140,339,717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	69,523,820,827	57,140,339,717
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42,445,375,158	39,254,179,119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27,078,445,669	17,886,160,598
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	660,357,797	1,247,183,072
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,705,248,713	633,270,834
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,701,425,000	633,270,834
8. Chi phí bán hàng	24		40,363,636	55,181,820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9,655,261,723	7,366,698,649
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,337,929,394	11,078,192,367
11. Thu nhập khác	31		169,919,546	1,471,000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		169,919,546	1,471,000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,507,848,940	11,079,663,367
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4,363,663,624	2,769,915,842
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9,144,185,316</u>	<u>8,309,747,525</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>2,175</u>	<u>2,452</u>

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2011

Trần Lê Thanh Bình  
Người lập biểu

Vũ Thành Danh  
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>13,507,848,940</b>	<b>11,079,663,367</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	1,139,698,498	1,412,911,636
- Các khoản dự phòng	03		(290,920,500)	(1,259,510,880)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(608,883,362)	(617,192,778)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4,701,425,000	633,270,834
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>18,449,168,576</b>	<b>11,249,142,179</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4,155,951,609	9,443,569,582
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,331,298,332)	(4,908,900,658)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13,856,120,003)	(8,959,378,372)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		42,268,657	183,182,937
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,151,016,667)	(1,099,368,056)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(2,894,876,189)	(1,401,928,025)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.22	7,000,000	6,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.14, 22	(113,800,000)	(616,890,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>307,277,651</b>	<b>3,895,429,587</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 10, VII	(2,199,029,185)	(1,147,755,674)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,000,000,000)	(2,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,000,000,000	2,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13,058,430,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.21, VI.3	845,716,696	617,192,778
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1,353,312,489)</b>	<b>(13,588,992,896)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.25	(28,580,000)	(21,350,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	10,450,000,000	16,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(10,450,000,000)	(16,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(28,580,000)</b>	<b>(21,350,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1,074,614,838)</b>	<b>(9,714,913,309)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>2,806,240,274</b>	<b>20,554,939,053</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(387,169,518)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1,731,625,436</b>	<b>10,452,856,226</b>

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2011

Trần Lê Thanh Bình  
Người lập biểu

Vũ Thành Danh  
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	34,295,500,000	(504,830,060)	387,169,518	4,416,700,630	1,473,732,004	294,746,400	13,512,825,617	53,875,844,109
Phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2009	6,773,980,000	-	-	-	-	-	(6,773,988,000)	(8,000)
Phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ khen thưởng	1,510,520,000	-	-	-	-	-	-	1,510,520,000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(108,330,000)	-	-	-	-	-	(108,330,000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2009	-	-	-	3,931,657,262	1,351,282,562	270,256,512	(6,738,837,617)	(1,185,641,281)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền cuối năm trước	-	-	(387,169,518)	-	-	-	-	(387,169,518)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	18,068,513,683	18,068,513,683
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>42,580,000,000</b>	<b>(613,160,060)</b>	<b>-</b>	<b>8,348,357,892</b>	<b>2,825,014,566</b>	<b>565,002,912</b>	<b>18,068,513,683</b>	<b>71,773,728,993</b>
Số dư đầu năm nay	42,580,000,000	(613,160,060)	-	8,348,357,892	2,825,014,566	565,002,912	18,068,513,683	71,773,728,993
Mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(28,580,000)	-	-	-	-	-	(28,580,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(8,407,776,000)	(8,407,776,000)
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	6,162,239,357	1,806,851,368	788,221,274	(9,660,737,683)	(903,425,684)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	9,144,185,316	9,144,185,316
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>42,580,000,000</b>	<b>(641,740,060)</b>	<b>-</b>	<b>14,510,597,249</b>	<b>4,631,865,934</b>	<b>1,353,224,186</b>	<b>9,144,185,316</b>	<b>71,578,132,625</b>

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ tư vấn.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 2. Tiền và tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận chuyển	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

### **6. Tài sản cố định vô hình**

#### ***Giá trị quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

#### ***Giá trị lợi thế doanh nghiệp***

Giá trị lợi thế doanh nghiệp được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005. Giá trị lợi thế doanh nghiệp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

### **10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **12. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### **13. Nguồn vốn chủ sở hữu – quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **14. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
30/06/2011 : 20.618 VND/USD

### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### **19. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.4

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	145.923.000	75.170.000
Tiền gửi ngân hàng	287.346.880	2.731.070.274
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng kể từ ngày gửi)	1.298.355.556	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.731.625.436</u></b>	<b><u>2.806.240.274</u></b>

### 2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện miền Trung	12.754.684.327	3.600.903.668
Công ty Truyền tải Điện 3	6.873.406.071	5.404.508.165
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	6.037.929.873	6.037.929.873
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	6.010.808.709	6.010.808.709
Các khách hàng khác	72.626.273.202	90.792.765.257
<b>Cộng</b>	<b><u>104.303.102.182</u></b>	<b><u>111.846.915.672</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Công ty Cổ phần Vật liệu CAVICO Hạ tầng	344.673.082	344.673.082
Công ty TNHH Quốc Thắng	332.777.118	-
Các nhà cung cấp khác	1.778.541.015	1.632.009.010
<b>Cộng</b>	<b><u>3.253.092.315</u></b>	<b><u>2.773.783.192</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	-	295.779.800
Công ty TNHH MTV Địa Chính Bình Nguyên	230.000.000	230.000.000
Các đối tượng khác	277.132.940	378.963.108
<b>Cộng</b>	<b><u>507.132.940</u></b>	<b><u>904.742.908</u></b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết các khoản dự phòng như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản nợ quá hạn dưới 1 năm	-	-
Các khoản nợ quá hạn trên từ 1 năm đến 2 năm	-	797.229.819
Các khoản nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	4.434.755.405	3.637.525.586
Các khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	4.716.671.341	5.007.591.841
<b>Cộng</b>	<b><u>9.151.426.746</u></b>	<b><u>9.442.347.246</u></b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.442.347.246	11.237.833.881
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(290.920.500)	(1.259.510.880)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>9.151.426.746</u></b>	<b><u>9.978.323.001</u></b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	587.797.720	538.123.834
Công cụ, dụng cụ tồn kho	13.798.733	34.652.849
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.837.865.747	1.535.387.185
<b>Cộng</b>	<b><u>6.439.462.200</u></b>	<b><u>2.108.163.868</u></b>

### 7. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên

### 8. Phải thu dài hạn của khách hàng

Tiền bảo hành công trình còn phải thu khách hàng:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	184.144.863	1.845.788.202
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Các khách hàng khác	670.418.134	670.418.134
<b>Cộng</b>	<b><u>2.387.325.818</u></b>	<b><u>4.048.969.157</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	6.333.791.294	8.571.981.178	9.904.610.309	2.297.499.262	27.107.882.043
Đầu tư mới	77.441.818	204.241.273	-	117.937.366	399.620.457
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.411.233.112</b>	<b>8.776.222.451</b>	<b>9.904.610.309</b>	<b>2.415.436.628</b>	<b>27.507.502.500</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	116.068.180	7.430.665.708	7.213.327.703	1.095.134.469	15.855.196.060
---	-------------	---------------	---------------	---------------	----------------

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	1.820.590.208	7.871.014.764	9.165.116.058	1.470.456.877	20.327.177.907
Khấu hao trong kỳ	203.018.815	206.419.258	277.612.243	175.398.766	862.449.082
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.023.609.023</b>	<b>8.077.434.022</b>	<b>9.442.728.301</b>	<b>1.645.855.643</b>	<b>21.189.626.989</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	4.513.201.086	700.966.414	739.494.251	827.042.385	6.780.704.136
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.387.624.089</b>	<b>698.788.429</b>	<b>461.882.008</b>	<b>769.580.985</b>	<b>6.317.875.511</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	6.970.774.045	9.586.688.955	2.089.477.446	18.646.940.446
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.970.774.045</b>	<b>9.586.688.955</b>	<b>2.089.477.446</b>	<b>18.646.940.446</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	815.455.381	815.455.381
--	---	---	-------------	-------------

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	-	479.396.505	967.394.833	1.446.791.338
Khấu hao trong kỳ	-	99.752.400	177.497.016	277.249.416
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>579.148.905</b>	<b>1.144.891.849</b>	<b>1.724.040.754</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	6.970.774.045	9.107.292.450	1.122.082.613	17.200.149.108
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.970.774.045</b>	<b>9.007.540.050</b>	<b>944.585.597</b>	<b>16.922.899.692</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng Công trình cải tạo khối nhà 2 tầng 11 Hoàng Hoa Thám. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây dựng	1.741.719.155	-
Chi phí lắp đặt trạm biến áp	247.272.727	-
Chi phí lắp đặt hệ thống mạng	143.193.964	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.132.185.846</u></b>	<b><u>-</u></b>

### 12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	6.661.643	66.616.430.000	6.661.643	66.616.430.000
- Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	90.000	900.000.000	90.000	900.000.000
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn		<u>1.000.000.000</u>		<u>1.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>70.016.430.000</u></b>		<b><u>70.016.430.000</u></b>

Tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐTV ngày 20 tháng 01 năm 2011, Hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi để góp vốn đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A, tổng giá trị trái phiếu phát hành là 51 tỉ đồng và tăng tỉ lệ góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn lên 31% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (tương ứng với 103,85 tỉ VND).

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	Giá trị lợi thế kinh doanh	438.529.588	-	(219.264.794)
Chi phí công cụ dụng cụ	562.996.276	556.959.091	(371.969.694)	747.985.673
<b>Cộng</b>	<b><u>1.001.525.864</u></b>	<b><u>556.959.091</u></b>	<b><u>(591.234.488)</u></b>	<b><u>967.250.467</u></b>

### 14. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đặt cọc tiền thuê nhà (Chi nhánh phía Bắc)	80.000.000	80.000.000
Ký quỹ làm thẻ taxi MCC Mai Linh	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>90.000.000</u></b>	<b><u>80.000.000</u></b>

### 15. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>53.000.000.000</u></b>	<b><u>53.000.000.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

(\*) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực để góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2010/HĐTD-NH/TCĐL ngày 27 tháng 12 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2011/PLHD-TCĐL-CNĐN ngày 19 tháng 01 năm 2011. Thời gian vay từ ngày 27 tháng 12 năm 2010 đến ngày 27 tháng 12 năm 2011 với lãi suất 15,7%.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Khánh Hòa	-	10.450.000.000	(10.450.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>3.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>53.000.000.000</u></b>	<b><u>10.450.000.000</u></b>	<b><u>(10.450.000.000)</u></b>	<b><u>53.000.000.000</u></b>

### 16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viện Năng lượng	1.180.263.289	1.380.263.289
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	983.545.000	983.545.000
Xí nghiệp Đo đạc Bản đồ Nông nghiệp 1 - Hòa Bình	733.998.010	733.998.010
Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng Điện 3	438.967.191	394.091.191
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam – Công ty Cổ phần	406.352.630	406.352.630
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2	402.995.874	402.995.874
Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam	296.058.400	296.058.400
Công ty Trắc Địa Bản Đồ - Bộ Quốc Phòng	283.571.254	283.571.254
Liên đoàn Vật lý Địa chất	253.218.296	253.218.296
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	222.737.567	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	208.761.868	208.761.868
Công ty TNHH Nam Hải	179.635.000	-
Các nhà cung cấp khác	<u>1.413.545.821</u>	<u>1.374.401.597</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.003.650.200</u></b>	<b><u>6.717.257.409</u></b>

### 17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý dự án các Công trình Điện Miền Trung	8.487.437.303	21.291.818.261
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	1.693.969.000	2.014.058.000
Ban Quản lý dự án Thủy Điện 5	1.759.921.857	1.205.044.839
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3	1.078.000.000	1.078.000.000
Các khách hàng khác	<u>11.608.218.260</u>	<u>10.272.554.598</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>24.627.546.420</u></b>	<b><u>35.861.475.698</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### 18. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.304.496.723	6.763.202.424	(6.547.644.050)	2.520.055.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.322.837.894	4.363.663.624	(2.894.876.189)	3.791.625.329
Thuế thu nhập cá nhân	498.779.075	1.358.931.375	(1.851.660.450)	6.050.000
Thuế nhà đất	-	8.675.600	(8.675.600)	-
Các loại thuế khác	58.435.876	64.511.448	(122.947.324)	-
<i>Thuế Môn bài</i>		3.000.000	(3.000.000)	-
<i>Thuế Nhà thầu</i>	58.435.876	61.511.448	(119.947.324)	-
<b>Cộng</b>	<b>5.184.549.568</b>	<b>12.558.984.471</b>	<b>(11.425.803.613)</b>	<b>6.317.730.426</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.507.848.940	11.079.663.367
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.946.805.556	-
- Các khoản điều chỉnh tăng (lãi vay để đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn)	3.946.805.556	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	17.454.654.496	11.079.663.367
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>4.363.663.624</b>	<b>2.769.915.842</b>

#### **Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### 19. Phải trả người lao động

Quỹ lương trong năm được xác định theo theo Quyết định số 106/TVDD4-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty. Đơn giá tiền lương đối với doanh thu ghi nhận trong kỳ như sau:

- Hoạt động khảo sát tự làm: 530 VND/1.000 đồng doanh thu
- Hoạt động thiết kế tự làm: 510 VND/1.000 đồng doanh thu

Số dư tại ngày cuối kỳ là quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### 20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thưởng "Sáng kiến cải tiến - hợp lý hóa sản xuất năm 2010"	-	210.200.000
Chi phí khảo sát ĐZ 500 KV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông	7.010.981.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.010.981.000</u></b>	<b><u>210.200.000</u></b>

### 21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	214.964.407
Kinh phí công đoàn	1.562.195.875	1.376.550.678
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Khánh Hòa	1.045.584.574	380.750.077
Doanh thu nhận trước (lãi tiền gửi nhận trước)	236.833.334	-
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	789.233.333	3.221.448.985
- Chi phí cổ phần hóa	-	1.187.287.429
- Chi phí lãi vay	789.233.333	1.185.630.556
- Cổ tức phải trả	-	848.531.000
Cổ tức năm 2010 của Các cổ đông sẽ được nhận bằng cổ phiếu thưởng	8.407.776.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	3.946.805.556	-
Tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhận của các cổ đông khác	210.010.000	288.550.000
Công ty Cổ phần Khảo sát Thiết kế Công trình Điện Toàn Đức	-	373.695.000
Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 7 (XN TĐ BĐ205)	-	255.490.395
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đại Lợi	111.375.300	111.375.300
Các khoản khác	51.914.436	118.390.166
<b>Cộng</b>	<b><u>16.361.728.408</u></b>	<b><u>6.341.215.008</u></b>

### 22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm trước</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận trước khi cổ phần hóa</u>	<u>Thưởng từ Tập đoàn Điện lực</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	2.728.706.462	542.055.410	340.539.780	7.000.000	(7.000.000)	3.611.301.652
Quỹ phúc lợi	1.321.756.028	361.370.274	340.539.780	-	(96.800.000)	1.926.866.082
<b>Cộng</b>	<b><u>4.050.462.490</u></b>	<b><u>903.425.684</u></b>	<b><u>681.079.560</u></b>	<b><u>7.000.000</u></b>	<b><u>(103.800.000)</u></b>	<b><u>5.538.167.734</u></b>

### 23. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) số tiền 10.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 6 năm, lãi suất tính bằng tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của 4 ngân hàng thương mại Quốc doanh cộng thêm 1,2%. Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu trả nợ gốc vay, số tiền vay đến hạn là 3.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.15).

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### 24. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	596.548.653	376.506.223
Chi trợ cấp thôi việc cho công nhân viên trong kỳ	<u>(52.473.000)</u>	<u>(73.796.000)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>544.075.653</u></b>	<b><u>302.710.223</u></b>

### 25. Vốn chủ sở hữu

#### **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	21.722.400.000	51,02	21.722.400.000	51,02
Các cổ đông khác	20.857.600.000	48,98%	20.857.600.000	48,98%
<b>Cộng</b>	<b><u>42.580.000.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>	<b><u>42.580.000.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>

#### **Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.258.000	4.258.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.258.000	4.258.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.258.000	4.258.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.112	51.254
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	54.112	51.254
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.203.888	4.206.746
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.203.888	4.206.746
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

#### **Mục đích trích lập các quỹ**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Quỹ khác của chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khảo sát	30.326.315.084	13.848.007.961
Doanh thu hoạt động thiết kế	39.197.505.743	43.292.331.756
<b>Cộng</b>	<b>69.523.820.827</b>	<b>57.140.339.717</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khảo sát	19.579.679.182	9.254.043.115
Giá vốn hoạt động thiết kế	22.865.695.976	30.000.136.004
<b>Cộng</b>	<b>42.445.375.158</b>	<b>39.254.179.119</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi bán ngoại tệ	4.707.574	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	608.883.362	617.192.778
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	46.766.861	44.057.908
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	585.932.386
<b>Cộng</b>	<b>660.357.797</b>	<b>1.247.183.072</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ bán ngoại tệ	3.823.713	-
Lãi vay ngắn hạn của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực để góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	3.946.805.556	-
Lãi vay dài hạn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	730.033.333	563.000.000
Lãi vay ngắn hạn khác	24.586.111	70.270.834
<b>Cộng</b>	<b>4.705.248.713</b>	<b>633.270.834</b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.156.385.953	4.842.153.249
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	280.372.175	140.183.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.403.583	139.611.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.300.895	357.894.950
Chi phí khác	3.897.799.117	1.886.855.790
<b>Cộng</b>	<b>9.655.261.723</b>	<b>7.366.698.649</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.144.185.316	8.309.747.525
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.144.185.316	8.309.747.525
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.204.774	3.388.283
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.175</b>	<b>2.452</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.206.746	3.389.129
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	(1.972)	(846)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>4.204.774</b>	<b>3.388.283</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

#### Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền: Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ, số tiền 332.777.118 VND

### VIII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các khoản cam kết

Theo Quyết định 507/QĐ-TVĐ4 ngày 26 tháng 11 năm 2010, Hội đồng quản trị đã quyết định ngừng không tiếp tục tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN – Land Nha Trang. Số đã góp là 1,5 tỉ VND.

Ngoài ra, Công ty nhận ủy quyền của các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (là người lao động của Công ty) trong việc góp vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Trong kỳ, Công ty đã chuyển góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn số tiền là 3.100.000.000 VND. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, số tiền đã nhận của các cổ đông còn lại là 210.010.000 VND (xem thuyết minh số V.21).

#### 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

- Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tỷ lệ trả cổ tức 20% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 20 cổ phiếu mới). Ngày 08 tháng 7 năm 2011 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 đã có Công văn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức, theo đó số lượng cổ phiếu đăng ký

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

phát hành thêm là 840.777 cổ phiếu, tương ứng 8.407.770.000 VND (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Ngày 30 tháng 7 năm 2011 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, đăng ký thay đổi lần thứ 5, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 42.580.000.000 VND lên 50.987.770.000 VND.

- Tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐTV ngày 20 tháng 01 năm 2011, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010, Hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi để góp vốn đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A, tổng giá trị trái phiếu phát hành là 51 tỉ đồng. Hiện Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết và đang chờ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 3. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

### 4. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

<b>Thành viên chủ chốt</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2011, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 là 216.000.000 VND/năm. Trong 6 tháng đầu năm 2011 Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đã nhận thù lao của 2 tháng cuối năm 2010 và 5 tháng đầu năm 2011 là 256.000.000 VND (6 tháng đầu năm 2010 là 93.000.000 VND)
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thu nhập từ tiền lương và các phụ cấp theo quy chế lương của Công ty. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong 6 tháng đầu năm 2011 là 1.000.867.000 VND (6 tháng đầu năm 2010 là 1.049.918.000 VND)

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là EVN)	Cổ đông sở hữu 51,02% cổ phần (xem thuyết minh số V.25)
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Ngày 20 tháng 01 năm 2011 Công ty đăng ký sở hữu 31% vốn điều lệ. Ông Phạm Minh Sơn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ giữa Công ty và các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)</i></b>		
Chi phí lãi vay phải trả (xem thuyết minh số VI.4)	730.033.333	563.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn</i></b>		
Góp vốn điều lệ	-	13.058.430.000
Cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế	3.109.172.000	-

Tại ngày cuối kỳ, công nợ phải trả với các bên liên quan như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b><i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)</i></b>	<b><i>10.789.233.333</i></b>
Phải trả nợ gốc vay (xem thuyết minh số V.15, 23)	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả lãi vay (xem thuyết minh số V.21)	789.233.333	1.185.630.556
Phải trả về cổ phần hóa (xem thuyết minh số V.21)	-	1.187.287.429
Phải trả cổ tức 5 tháng cuối năm 2007 (xem thuyết minh số V.21)	-	848.531.000
<b><i>Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn</i></b>	<b><i>1.693.969.000</i></b>	<b><i>2.014.058.000</i></b>
Ứng trước tiền dịch vụ tư vấn (xem thuyết minh số V.17)	1.693.969.000	2.014.058.000

Khánh Hòa ngày 01 tháng 8 năm 2011

\_\_\_\_\_  
**Trần Lê Thanh Bình**  
Người lập

\_\_\_\_\_  
**Vũ Thành Danh**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Phạm Minh Sơn**  
Tổng Giám đốc